

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC BÌNH  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12-11-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thúy Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lý Thị Phạm và bà Đặng Thị Phương.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Thị Nhưõng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị B, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn C, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Hà Thị P; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07/8/2024, bản khai ngày 07/10/2024, ý kiến tại phiên họp ngày 22/10/2024, nguyên đơn chị Vi Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị B tự nguyện kết hôn với anh Nông Văn C năm 2019. Trước khi kết hôn cả hai có thời gian tự tìm hiểu, yêu nhau được 01 năm, được hai gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 08/7/2019.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng, tình cảm vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2022 vợ chồng cùng nhau đi làm

công nhân, sống cùng phòng trọ, nhưng đến tháng 8/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nông Văn C không phụ giúp vợ việc nhà, không quan tâm đến gia đình con cái. Mâu thuẫn này chị cũng đã khuyên bảo anh Nông Văn C nhưng anh không sửa đổi được. Từ đó trở đi vợ chồng sống mà không có tiếng nói chung, không có tình cảm, cả hai không còn quan tâm đến nhau, không nói chuyện với nhau, đến tháng 12/2022 vợ chồng chị đã sống ly thân, cả hai đi ở trọ riêng và không còn quan tâm đến nhau, khi về nhà thì chị về nhà ngoại sinh sống, anh Nông Văn C sống cùng với bà nội, từ khi sống ly thân cả hai không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, không liên lạc hỏi thăm nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng, hai bên gia đình nội ngoại đều biết và có khuyên giải nhưng không được. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được chị đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Nông Văn C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nông Trường K, sinh ngày 27/01/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Nông Văn C có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng và chị không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Hiện tại con đang chung sống cùng với bố và bà nội (mẹ chồng). Từ khi ly thân chị thỉnh thoảng có về thăm con và gửi tiền cho bà nội để chăm sóc con chung. Anh Nông Văn C đi làm có thu nhập, vẫn về nhà thăm con, chu cấp tiền cho bà nội nuôi con. Anh Nông Văn C hiện sống cùng bà nội, khi anh Nông Văn C đi làm bà nội sẽ hỗ trợ giúp đỡ để chăm sóc, đưa đón cháu đi học.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Do bận công việc, chị Vi Thị B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết, xét xử vắng mặt.

*Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn anh Nông Văn C đều vắng mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án.*

*Người làm chứng: Bà Hoàng Thị P1 vắng mặt tại phiên toà, lời khai trong hồ sơ thể hiện:* Bà là mẹ đẻ của Nông Văn C, là mẹ chồng của Vi Thị B. Giữa bà với Nông Văn C, Vi Thị B không có mâu thuẫn gì với nhau. Nông Văn C đã biết việc Vi Thị B đã làm đơn ly hôn. Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng trước khi kết hôn có thời gian tự tìm hiểu, yêu nhau, được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là gì bà không nắm được vì hai con đi làm chung cùng nhau, sau đó cả hai có mâu thuẫn thì khác người khác làm, cả hai đã sống ly thân được 02 năm nay, đến nay bà thấy vợ chồng khó có thể hàn gắn với nhau được, Nông Văn C đã biết Vi Thị B làm đơn ly hôn và có nói lại với bà đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung đang sống cùng bố và bà nội, trường hợp ly hôn Nông Văn C có nói với bà là con do Nông Văn C nuôi và Vi Thị B cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Nông Văn C đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà thăm con, thăm gia đình, hỗ trợ, chu cấp tiền để bà nội nuôi con và khi Nông Văn C nuôi con bà sẽ

hỗ trợ giúp đỡ, chăm sóc, nuôi con giúp Nông Văn C khi Nông Văn C đi làm ăn xa. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Các văn bản tố tụng của Nông Văn C bà tiếp tục nhận và cam kết giao lại cho Nông Văn C. Hiện nay Nông Văn C chưa cất khẩu đi đâu, bà đề nghị Toà án xem xét giải quyết vắng mặt bà.

*Theo Công văn số 107/CAX, ngày 04/10/2024 của Công an xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cung cấp:* Tại địa bàn thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có công dân tên Nông Văn C, sinh ngày 05/01/1999 sinh sống và đăng ký Hộ khẩu thường trú. Tại thời điểm xác minh qua công tác kiểm tra thông tin trên hệ thống quản lý dữ liệu Quốc gia về dân sự xác định công dân Nông Văn C hiện nay vẫn có thông tin và cư trú tại địa phương. Hiện chưa có thay đổi về thường trú và cư trú.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại phiên họp vắng mặt anh Nông Văn C, chị Vi Thị B đã có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nông Văn C đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng bà Hà Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Vi Thị B và anh Nông Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 08/7/2019. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng anh chị chung sống một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, đến tháng 8/2022 vợ chồng đã sống ly thân đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không ai quan tâm hỏi han nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị đến nay không còn tình cảm, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Vi Thị B được ly hôn với anh Nông Văn C.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nông Trường K, sinh ngày 27/01/2019. Khi ly hôn chị Vi Thị B yêu cầu anh Nông Văn C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, chị nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Hiện cháu Nông Trường K đang sống cùng bố và bà nội. Bố đi làm

thì có bà nội hỗ trợ chăm sóc và đưa đón cháu. Anh Nông Văn C có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giao cháu Nông T Khoa cho anh Nông Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Vi Thị B vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện đã có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nông Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng bà Hà Thị P đã có lời khai, đề nghị xem xét giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Nông Văn C, cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị B và anh Nông Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 08/7/2019. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn từ tháng 8 năm 2022 đến nay do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, anh Nông Văn C không phụ giúp việc nhà, không quan tâm đến gia đình. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay, từ khi sống ly thân cả hai không còn liên lạc, không yêu thương, quan tâm nhau nữa khiến cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Vi Thị B và anh Nông Văn C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Vi Thị B là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Vi Thị B và anh Nông Văn C có 01 con chung là cháu Nông Trường K, sinh ngày 27/01/2019. Xét thấy, từ tháng 12 năm 2022 đến nay, cháu Nông Trường K đang sống cùng với bố đẻ và bà nội. Anh Nông Văn C đi làm xa, đã có ý kiến yêu cầu được nuôi con và có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, anh đi làm có thu nhập, thường xuyên về thăm con và gia đình, vẫn chu cấp tiền cho bà nội nuôi con. Để tránh xáo trộn cuộc sống của con, đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, xét điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung và sự hỗ trợ của bà nội, tiếp tục giao cháu Nông T Khoa cho anh Nông Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị Vi Thị B tự N cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng là 2.000.000/tháng (hai triệu đồng/tháng), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng. Chị không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Vi Thị B là phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Vi Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Vi Thị B thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị B trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vi Thị B phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị B được ly hôn với anh Nông Văn C. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 33, đăng ký ngày 08/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

**2.** Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Trường K, sinh ngày 27/01/2019 cho anh Nông Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 2.000.000/tháng (hai triệu đồng/tháng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng. Chị Vi Thị B không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Vi Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Vi Thị B thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Nguyên đơn chị Vi Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng. Tổng số tiền án phí chị Vi Thị B phải nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Vi Thị B đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002350, ngày 01/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn, chị Vi Thị B phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thúy Huyền**